

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



switch-disconnector Compact INS250 - 100 A - 3 poles

31100

Main

| | |
|---|--|
| Range | ComPact |
| Product or component type | Switch disconnecter |
| Product name | ComPacT INS |
| poles description | 3P |
| Network type | AC DC |
| Network frequency | 50/60 Hz |
| [Ie] rated operational current | AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 480 V NEMA AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 500/525 V AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 660/690 V AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 480 V NEMA AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 500/525 V AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 660/690 V DC-22A: 100 A DC 125 V 2 poles in series DC-23A: 100 A DC 125 V 2 poles in series |
| [Ui] rated insulation voltage | 750 V AC 50/60 Hz |
| [Ith] conventional free air thermal current | 100 A at 60 °C |
| [Icm] rated short-circuit making capacity | 30 kA switch-disconnector alone 690 V AC at 50/60 Hz 330 kA with upstream protection circuit breaker 690 V AC at 50/60 Hz |
| [Ue] rated operational voltage | 125 V DC 690 V AC 50/60 Hz |
| Suitability for isolation | Yes |
| Contact position indicator | Yes |
| Visible break | No |
| Pollution degree | 3 |

Complementary

| | |
|-------------------|----------------------------|
| Control type | Direct front rotary handle |
| handle colour | Black |
| Mounting mode | Fixed |
| Mounting support | Rail Plate |
| Upside connection | Front |

| | |
|--|--|
| downside connection | Front |
| Maximum power | AC-23: 22 kW at 220/240 V AC 50/60 Hz AC-23: 22 kW at 230 V AC 50/60 Hz (NEMA) AC-23: 45 kW at 380/415 V AC 50/60 Hz AC-23: 55 kW at 440 V AC 50/60 Hz AC-23: 55 kW at 480 V AC 50/60 Hz (NEMA) AC-23: 55 kW at 500/525 V AC 50/60 Hz AC-23: 55 kW at 660/690 V AC 50/60 Hz |
| Rated duty | Uninterrupted |
| [I_{cw}] rated short-time withstand current | 1.8 kA during 30 s conforming to IEC 60947-3 2.2 kA during 20 s conforming to IEC 60947-3 4.9 kA during 3 s conforming to IEC 60947-3 8.5 kA during 1 s conforming to IEC 60947-3 |
| Mechanical durability | 15000 cycles |
| Electrical durability | AC-22A: 1500 cycles 440 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1500 cycles 500 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1500 cycles 690 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 440 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 500 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 690 V AC 50/60 Hz DC-22A: 1500 cycles 125 V DC 2 poles in series DC-23A: 1500 cycles 125 V DC 2 poles in series |
| Connection pitch | 35 mm |
| Height | 136 mm |
| Width | 140 mm |
| Depth | 96 mm |
| Net weight | 2 kg |

Environment

| | |
|--|------------------------------|
| Standards | IEC 60947-1 IEC 60947-3 |
| Product certifications | CCC KEMA-KEUR |
| IP degree of protection | IP40 conforming to IEC 60529 |
| IK degree of protection | IK07 conforming to EN 50102 |
| Ambient air temperature for operation | -25...70 °C |
| Ambient air temperature for storage | -50...85 °C |

Packing Units

| | |
|-------------------------------------|----------|
| Unit Type of Package 1 | PCE |
| Number of Units in Package 1 | 1 |
| Package 1 Height | 13.8 cm |
| Package 1 Width | 16.5 cm |
| Package 1 Length | 17.0 cm |
| Package 1 Weight | 2.235 kg |
| Unit Type of Package 2 | S04 |
| Number of Units in Package 2 | 9 |
| Package 2 Height | 30.0 cm |
| Package 2 Width | 40.0 cm |
| Package 2 Length | 60.0 cm |

Package 2 Weight 20.953 kg

Contractual warranty

Warranty 18 months

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch RoHS/REACH

Hiệu suất sức khỏe



Mercury Free



Rohs Exemption Information

Yes

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive

Compliant with Exemptions

China Rohs Regulation

[China RoHS declaration](#)

Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Weee

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Circularity Profile

[End of Life Information](#)